

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 2561/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 22/12/2021  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NH DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Lượng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vi Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 883/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6024/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Hoàng Ngọc Nh, sinh năm 1980

Địa chỉ thường trú: 249/3 đường Linh Đông, khu phố 3, phường Linh Đông, thành phố T, Thành phố H- có đơn xin vắng mặt.

***Bị đơn:*** Ông Phan Hoàng D, sinh năm 1982

Địa chỉ thường trú: 218/14/1 Tô Ngọc Vân, khu phố 3, phường Linh Đông, thành phố T, Thành phố H- có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Phan Hoàng D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay làm đơn xin ly hôn với ông Phan Hoàng D,

lý do: Trong quá trình chung sống cho đến thời điểm ly hôn thì hai vợ chồng không còn tình cảm để tiếp tục sống chung nên làm đơn này xin được ly hôn với ông Phan Hoàng D.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Hoàng Gia H, sinh ngày 31/10/2007, bà Nh đồng ý giao con cho ông Phan Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày: Ông với bà Hoàng Ngọc Nh tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007, đăng ký tại Ủy ban nH dân phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà Nh làm đơn xin ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn, lý do: Trong quá trình chung sống cho đến thời điểm ly hôn thì hai vợ chồng không còn tình cảm để tiếp tục sống chung.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Hoàng Gia H, sinh ngày 31/10/2007, ông Phan Hoàng D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, và không yêu cầu bà Nh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nH dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trong đó có xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nH: bà Hoàng Ngọc Nh và ông Phan Hoàng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 1, nên đây là hôn nH hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Ngọc Nh và ông Phan Hoàng D, Hội đồng xét xử thấy phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng hai vợ chồng không còn tình cảm và mong muốn được ly hôn. Xét thấy các đương sự thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

[4] Về con chung: có 01 con chung là cháu Phan Hoàng Gia H, sinh ngày 31/10/2007. Hai bên cùng thống nhất giao ông Phan Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng và bà Hoàng Ngọc Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: không có.

[6]. Nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), bà Phan Hoàng Nh phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Nh đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Hoàng Ngọc Nh và ông Phan Hoàng D.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, giao cháu Phan Hoàng Gia H, sinh ngày 31/10/2007 cho ông Phan Hoàng D trực tiếp nuôi dưỡng, bà Hoàng Ngọc Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), bà Hoàng Ngọc Nh phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do bà Hoàng Ngọc Nh đã nộp theo biên lai thu số 0059154 ngày 12/5/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thắng**